

UBND XÃ MAO ĐIỀN
PHÒNG KINH TẾ

Số: 190/TTr-KT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mao Điền, ngày 14 tháng 7 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng năm 2026

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 5055/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các cấp, ngành, các đơn vị;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của HĐND xã Mao Điền. Về phân bổ dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách năm 2026 ;

Căn cứ Quyết định số 1235 /QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của UBND xã Mao Điền về việc phân bổ dự toán thu ngân sách nhà nước, thu – chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách xã năm 2026;

Phòng Kinh tế trình Ủy ban nhân dân xã Mao Điền xem xét, quyết định công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng năm 2026 xã Mao Điền:

(Chi tiết theo các biểu đính kèm)

Sau khi được phê duyệt, Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức công khai theo đúng quy định, bao gồm: đăng tải trên Cổng thông tin điện tử và niêm yết tại trụ sở UBND xã.

Kính trình Ủy ban nhân dân xã xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu: VT, KT.



TRƯỞNG PHÒNG

Trần Xuân Lực

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ MAO ĐIỀN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 804/QĐ-UBND

Mao Điền, ngày 14 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ MAO ĐIỀN

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 5055/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các cấp, ngành, các đơn vị;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của HĐND xã Mao Điền. Về phân bổ dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách năm 2026 ;

Căn cứ Quyết định số 1235 /QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của UBND xã Mao Điền về việc phân bổ dự toán thu ngân sách nhà nước, thu – chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách xã năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 6 tháng năm 2026 của xã Mao Điền.

(Chi tiết theo các biểu đính kèm)



Điều 2. Phòng Kinh tế phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức đăng tải trên cổng thông tin điện tử, niêm yết biểu mẫu tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 6 tháng năm 2026 tại trụ sở UBND xã Mao Điền theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND & UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Cổng thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



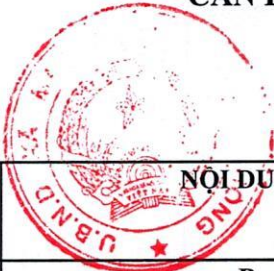
Trần Xuân Kiều



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ (06 THÁNG, NĂM) NĂM 2026

Từ ngày hiệu lực 01/01/2026 đến ngày hiệu lực 30/06/2026

Đơn vị : Đồng



ST T	NỘI DUNG	Dự toán	Ước thực hiện	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG SỐ THU	285.229.400.000	1.246.640.853.666	437,07
1	Các khoản thu xã hưởng 100%		5.461.569.602	
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ		1.084.453.859.037	
3	Thu bổ sung	127.303.000.000	127.822.761.651	100,41
-	Bổ sung cân đối	126.223.000.000	90.000.000.000	71,30
-	Bổ sung có mục tiêu	1.080.000.000	37.822.761.651	3.502,11
4	Thu chuyển nguồn		28.902.663.376	
	TỔNG SỐ CHI	285.229.000.000	271.072.838.441	95,04
1	Chi đầu tư phát triển	54.040.000.000	38.686.423.427	71,59
2	Chi thường xuyên theo lĩnh vực	224.474.000.000	104.563.653.363	46,58
3	Dự phòng	5.593.000.000		0,00
4	Chi chuyển giao ngân sách		127.822.761.651	

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ (06 THÁNG, NĂM) NĂM 2026
Từ ngày hiệu lực 01/01/2026 đến ngày hiệu lực 30/06/2026

Đơn vị : Đồng

S T T	NỘI DUNG	Dự toán		Ước thực hiện		So sánh (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	454.963.000.000	285.229.400.000	1.246.640.853.666	241.152.241.378	274.01	84.55
I	Các khoản thu hưởng 100%			3.284.707.899	1.717.376.144		
	Các loại phí, lệ phí	170.000.000	170.000.000	237.934.592	133.936.592	139.96	78.79
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	1.090.000.000	1.090.000.000			0	0
	Thu tiền phạt			1.697.781.017	255.850.000		
	Thu tịch thu						
	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
	Thu khác còn lại	700.000.000	140.000.000	1.348.992.290	1.327.589.552	192.71	948.28
II	Các khoản thu thu phân chia theo tỉ lệ %			1.086.630.720.740	82.709.440.207		
	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo Trung ương quản lý						
	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo địa phương quản lý			2.413.283.432			
	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài			795.767.719.290			
	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	163.460.000.000	88.268.400.000	107.329.647.084	57.522.309.702	65.66	65.17
	Thuế thu nhập cá nhân			66.131.347.082	55.231.033		
	Thuế bảo vệ môi trường do cơ quan thuế thực hiện			14.905.056.830			
	Lệ phí trước bạ	17.500.000.000	9.750.000.000	7.197.256.630	4.138.282.933	41.13	42.44
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.020.000.000	1.020.000.000	937.935.069	937.935.069	91.95	91.95
	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	8.620.000.000	3.448.000.000	4.812.729.483	708.697.070	55.83	20.55
	Thu tiền sử dụng đất	135.100.000.000	54.040.000.000	86.997.040.040	19.338.884.400	64.39	35.79
	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	700.000.000	140.000.000			0	0
	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, vùng trời, vùng biển			2.414.000			
	Thu chênh lệch tỷ giá ngoại tệ						
	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
	Thu hồi các khoản chi năm trước			8.100.000	8.100.000		
	Thu tiền bán hàng hóa, vật tư dự trữ						
	Thu tiền cho thuê, bán tài sản khác			128.191.800			
	Lãi thu từ các khoản tham gia góp vốn của nhà nước						
	Thu hồi vốn, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của NHNN						
III	Thu Viện trợ						
D	Thu chuyển nguồn			28.902.663.376	28.902.663.376		



E	Thu kết dư ngân sách						
I	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	127.303.000.000	127.303.000.000	127.822.761.651	127.822.761.651	100.41	100.41
1	Bổ sung cân đối	126.223.000.000	126.223.000.000	90.000.000.000	90.000.000.000	71.3	71.3
2	Bổ sung có mục tiêu	1.080.000.000	1.080.000.000	37.822.761.651	37.822.761.651	3502.11	3502.11





ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ (06 THÁNG, NĂM) NĂM 2026

Từ ngày hiệu lực 01/01/2026 đến ngày hiệu lực 30/06/2026

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán			Ước thực hiện			So sánh (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	285.229.000.000	54.040.000.000	224.474.000.000	137.544.005.377	38.686.423.427	98.857.581.950	48.22	71.59	44.04
	Trong đó									
1	Chi giáo dục	136.977.000.000		136.977.000.000	58.862.664.095	4.148.888.000	54.713.776.095	42.97		39.94
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	390.000.000		390.000.000	180.400.000		180.400.000	46.26		46.26
3	Chi y tế	5.282.000.000		5.282.000.000	2.369.940.830		2.369.940.830	44.87		44.87
4	Chi văn hóa, thông tin	1.783.000.000		1.783.000.000	2.070.199.376	705.695.000	1.364.504.376	116.11		76.53
5	Chi phát thanh, truyền thanh	380.000.000		380.000.000	356.085.000		356.085.000	93.71		93.71
6	Chi thể dục thể thao	465.000.000		465.000.000	101.380.913		101.380.913	21.8		21.8
7	Chi bảo vệ môi trường	3.971.000.000		3.971.000.000	3.446.630.390		3.446.630.390	86.8		86.8
8	Chi các hoạt động kinh tế	4.139.000.000		4.139.000.000	30.030.389.027	29.729.284.427	301.104.600	725.55		7.27
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	31.448.000.000		31.448.000.000	21.090.515.946	4.019.107.000	17.071.408.946	67.06		54.28
10	Chi cho công tác xã hội	33.848.000.000		33.848.000.000	15.700.010.500		15.700.010.500	46.38		46.38
11	Chi quốc phòng	3.099.000.000		3.099.000.000	2.059.032.000		2.059.032.000	66.44		66.44
12	Chi an ninh	2.692.000.000		2.692.000.000	1.276.757.300	83.449.000	1.193.308.300	47.43		44.33
13	Chi các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật									
B	Các nhiệm vụ chi khác	1.122.000.000						0		
C	Dự phòng ngân sách	5.593.000.000						0		

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ MAO ĐIỀN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN
Về việc công khai tình hình thực hiện
dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm năm 2026

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 5055/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các cấp, ngành, các đơn vị;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của HĐND xã Mao Điền. Về phân bổ dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1235/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của UBND xã Mao Điền về việc phân bổ dự toán thu ngân sách nhà nước, thu – chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách xã năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 804/QĐ-UBND ngày 14/7/2026 của Ủy ban nhân dân xã Mao Điền về việc công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2026;

Hôm nay vào lúc 8 giờ 00, ngày 14 tháng 7 năm 2026 tại UBND xã Mao Điền.

*** Thành phần tham dự:**

- | | |
|-------------------------|---------------------------------------|
| 1/ Ông Nguyễn Đình Hiền | Chức vụ: Phó Chủ tịch TT UBND |
| 2/ Ông Vũ Văn Thuận | Chức vụ: Chủ tịch UB MTTQ |
| 3/ Ông Lương Đình Hiền | Chức vụ: Chánh VP HĐND và UBND |
| 4/ Ông Trần Xuân Lược | Chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế |
| 5/ Bà Trần Thị Lệ Giang | Chức vụ: CC phòng Kinh tế xã - Thư ký |

*** Nội dung biên bản:**

Tiến hành công khai và niêm yết công khai công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm năm 2026.

*** Thành phần niêm yết:**

- Công khai và niêm yết công khai công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm năm 2026.

(Chi tiết theo biểu mẫu 113, 114, 115)

Thời gian niêm yết: Kể từ ngày 14/7/2026 đến ngày 14/8/2026.

Biên bản kết thúc lúc 8 giờ 30 phút.

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN



Trần Thị Lệ Giang

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

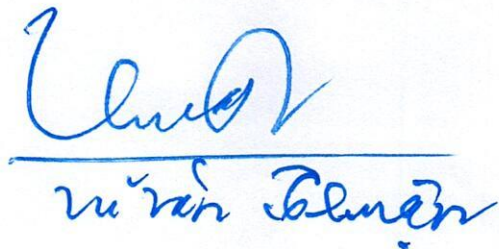


Nguyễn Đình Hiền

CÁC THÀNH VIÊN



Trần Xuân Lược



**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ MAO ĐIỀN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN
Kết quả niêm yết công khai tình hình
thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm năm 2026

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 5055/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các cấp, ngành, các đơn vị;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của HĐND xã Mao Điền. Về phân bổ dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1235 /QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của UBND xã Mao Điền về việc phân bổ dự toán thu ngân sách nhà nước, thu – chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách xã năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 804/QĐ-UBND ngày 14/7/2026 của Ủy ban nhân dân xã Mao Điền về việc công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2026;

Căn cứ Biên bản về việc công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng năm 2026 ngày 14 tháng 7 năm 2026.

Hôm nay ngày 14 tháng 8 năm 2026, tại Trụ sở UBND xã Mao Điền, Chúng tôi gồm có:

*** Thành phần tham dự:**

1/ Ông Nguyễn Đình Hiền

Chức vụ: Phó Chủ tịch TT UBND



2/ Ông Vũ Văn Thuận

Chức vụ: Chủ tịch UB MTTQ

3/ Ông Lương Đình Hiền

Chức vụ: Chánh VP HĐND và UBND

4/ Ông Trần Xuân Lược

Chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế

5/ Bà Trần Thị Lệ Giang

Chức vụ: CC phòng Kinh tế xã - Thư

ký

Tiến hành lập Biên bản về kết quả niêm yết công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm năm 2026 ngày 14 tháng 8 năm 2026.

Trong khoảng thời gian niêm yết từ ngày 14/7/2026 đến ngày 14/8/2026, xã không nhận được ý kiến phản hồi nào.

Kết luận: 100% ý kiến của các thành viên nhất trí với nội dung niêm yết công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm năm 2026 ngày 07 tháng 8 năm 2026.

Biên bản được lập thành 02 bản, Niêm yết tại trụ sở 01 bản, lưu tại phòng kế toán 01 bản.

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN



Trần Thị Lệ Giang

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đình Hiền

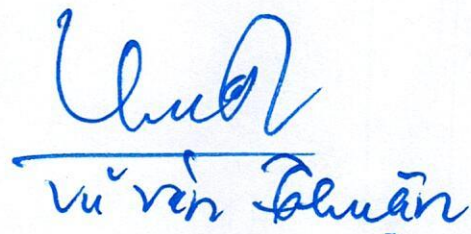
CÁC THÀNH VIÊN



Trần Xuân Lược



Lương Đình Hiền



Vũ Văn Thuận

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ (06 THÁNG, NĂM) NĂM 2026

Từ ngày hiệu lực 01/01/2026 đến ngày hiệu lực 30/06/2026

Đơn vị : Đồng



ST T	NỘI DUNG	Dự toán	Ước thực hiện	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG SỐ THU	285.229.400.000	1.246.640.853.666	437,07
1	Các khoản thu xã hưởng 100%		5.461.569.602	
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ		1.084.453.859.037	
3	Thu bổ sung	127.303.000.000	127.822.761.651	100,41
-	Bổ sung cân đối	126.223.000.000	90.000.000.000	71,30
-	Bổ sung có mục tiêu	1.080.000.000	37.822.761.651	3.502,11
4	Thu chuyển nguồn		28.902.663.376	
	TỔNG SỐ CHI	285.229.000.000	271.072.838.441	95,04
1	Chi đầu tư phát triển	54.040.000.000	38.686.423.427	71,59
2	Chi thường xuyên theo lĩnh vực	224.474.000.000	104.563.653.363	46,58
3	Dự phòng	5.593.000.000		0,00
4	Chi chuyển giao ngân sách		127.822.761.651	

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ (06 THÁNG, NĂM) NĂM 2026

Từ ngày hiệu lực 01/01/2026 đến ngày hiệu lực 30/06/2026

Đơn vị : Đồng

S T T	NỘI DUNG	Dự toán		Ước thực hiện		So sánh (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	454.963.000.000	285.229.400.000	1.246.640.853.666	241.152.241.378	274.01	84.55
I	Các khoản thu hưởng 100%			3.284.707.899	1.717.376.144		
	Các loại phí, lệ phí	170.000.000	170.000.000	237.934.592	133.936.592	139.96	78.79
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	1.090.000.000	1.090.000.000			0	0
	Thu tiền phạt			1.697.781.017	255.850.000		
	Thu tịch thu						
	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
	Thu khác còn lại	700.000.000	140.000.000	1.348.992.290	1.327.589.552	192.71	948.28
II	Các khoản thu thu phân chia theo tỉ lệ %			1.086.630.720.740	82.709.440.207		
	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo Trung ương quản lý						
	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo địa phương quản lý			2.413.283.432			
	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài			795.767.719.290			
	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	163.460.000.000	88.268.400.000	107.329.647.084	57.522.309.702	65.66	65.17
	Thuế thu nhập cá nhân			66.131.347.082	55.231.033		
	Thuế bảo vệ môi trường do cơ quan thuế thực hiện			14.905.056.830			
	Lệ phí trước bạ	17.500.000.000	9.750.000.000	7.197.256.630	4.138.282.933	41.13	42.44
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.020.000.000	1.020.000.000	937.935.069	937.935.069	91.95	91.95
	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	8.620.000.000	3.448.000.000	4.812.729.483	708.697.070	55.83	20.55
	Thu tiền sử dụng đất	135.100.000.000	54.040.000.000	86.997.040.040	19.338.884.400	64.39	35.79
	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	700.000.000	140.000.000			0	0
	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, vùng trời, vùng biển			2.414.000			
	Thu chênh lệch tỷ giá ngoại tệ						
	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
	Thu hồi các khoản chi năm trước			8.100.000	8.100.000		
	Thu tiền bán hàng hóa, vật tư dự trữ						
	Thu tiền cho thuê, bán tài sản khác			128.191.800			
	Lãi thu từ các khoản tham gia góp vốn của nhà nước						
	Thu hồi vốn, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của NHNN						
III	Thu Viện trợ						
D	Thu chuyển nguồn			28.902.663.376	28.902.663.376		

E	Thu kết dư ngân sách						
I	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	127.303.000.000	127.303.000.000	127.822.761.651	127.822.761.651	100.41	100.41
1	Bổ sung cân đối	126.223.000.000	126.223.000.000	90.000.000.000	90.000.000.000	71.3	71.3
2	Bổ sung có mục tiêu	1.080.000.000	1.080.000.000	37.822.761.651	37.822.761.651	3502.11	3502.11





ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ (06 THÁNG, NĂM) NĂM 2026

Từ ngày hiệu lực 01/01/2026 đến ngày hiệu lực 30/06/2026

Đơn vị: Đồng

S T T	NỘI DUNG	Dự toán				Ước thực hiện				So sánh (%)			
		TỔNG SỐ	XDCB	TX		TỔNG SỐ	XDCB	TX		TỔNG SỐ	XDCB	TX	
A	B	1	2	3		4	5	6		7=4/1	8=5/2	9=6/3	
	TỔNG CHI	285.229.000.000	54.040.000.000	224.474.000.000		137.544.005.377	38.686.423.427	98.857.581.950		48.22	71.59		44.04
	Trong đó												
1	Chi giáo dục	136.977.000.000		136.977.000.000		58.862.664.095	4.148.888.000	54.713.776.095		42.97			39.94
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	390.000.000		390.000.000		180.400.000		180.400.000		46.26			46.26
3	Chi y tế	5.282.000.000		5.282.000.000		2.369.940.830		2.369.940.830		44.87			44.87
4	Chi văn hóa, thông tin	1.783.000.000		1.783.000.000		2.070.199.376	705.695.000	1.364.504.376		116.11			76.53
5	Chi phát thanh, truyền thanh	380.000.000		380.000.000		356.085.000		356.085.000		93.71			93.71
6	Chi thể dục thể thao	465.000.000		465.000.000		101.380.913		101.380.913		21.8			21.8
7	Chi bảo vệ môi trường	3.971.000.000		3.971.000.000		3.446.630.390		3.446.630.390		86.8			86.8
8	Chi các hoạt động kinh tế	4.139.000.000		4.139.000.000		30.030.389.027	29.729.284.427	301.104.600		725.55			7.27
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	31.448.000.000		31.448.000.000		21.090.515.946	4.019.107.000	17.071.408.946		67.06			54.28
10	Chi cho công tác xã hội	33.848.000.000		33.848.000.000		15.700.010.500		15.700.010.500		46.38			46.38
11	Chi quốc phòng	3.099.000.000		3.099.000.000		2.059.032.000		2.059.032.000		66.44			66.44
12	Chi an ninh	2.692.000.000		2.692.000.000		1.276.757.300	83.449.000	1.193.308.300		47.43			44.33
13	Chi các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật												
B	Các nhiệm vụ chi khác	1.122.000.000								0			
C	Dự phòng ngân sách	5.593.000.000								0			